

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **189/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Vương Thị Khánh Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 751/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:219/2022/QĐST- HNGĐ ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 18, khu phố 4, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh **Lê Quang K**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 18, khu phố 4, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

(Chị L có đơn xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày :***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Quang K tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Hưng, huyện Nh, tỉnh N, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh Khiên thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè, thường xuyên đánh đập chị và các con. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Chị và anh K đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị xác định có 02 con chung cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2012 và cháu Lê Quang Th, sinh ngày 11/10/2018. Ly hôn chị L xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, tạm thời không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Bị đơn anh Lê Quang K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh K không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.***

***\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L.

Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2012 và cháu Lê Quang Th, sinh ngày 11/10/2018 cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị L xin ly hôn với anh Lê Quang K. Anh K là bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt và đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Căn cứ vào Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, xét xử vắng mặt chị L, anh K.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Nhân Hưng, huyện Nh, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28-2010, quyển số 01/2009 ngày 11/12/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Theo trình bày của chị L thì quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh K thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè, thường xuyên đánh đập chị và các con. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Chị và anh K đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị L xin được ly hôn với anh K.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh K vẫn không có ý kiến chứng tỏ bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ và duy trì hôn nhân với chị L. Xét thấy, tình trạng ly thân của vợ chồng chị L, anh K đã kéo dài, tình trạng hôn nhân trầm trọng. Anh K không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, nay chị L xin ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh K có 02 con chung cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2012 và cháu Lê Quang Th, sinh ngày 11/10/2018. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc

cả hai cháu. Xét thấy, hiện tại, chị L là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục hai cháu. Thời gian qua, chị L đã chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Cháu A đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu thì cháu có nguyện vọng được sống với chị L. Cháu Th hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của hai cháu, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu A và cháu Th cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh K không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử. Xét yêu cầu của chị Loan phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L, cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Quang K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/01/2012 và cháu Lê Quang Th, sinh ngày 11/10/2018 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh Lê Quang K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001749 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Chị Trần Thị L đã đóng đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L, anh Lê Quang K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- THADS thành phố B ;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quỳnh**